**Tuần 7 – Tiết PPCT 48, 49 Ngày soạn: 2/03/2025**

# BÀI 26: PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN Ở DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

# (Thời gian thực hiện: 2 tiết)

# I. MỤC TIÊU

###  1. Kiến thức:

- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của Duyên hải Nam Trung Bộ.

- Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển các ngành kinh tế biển: khai thác tài nguyên sinh vật biển, giao thông vận tải biển, du lịch biển, khai thác khoáng sản biển.

- Trình bày được việc phát triển các ngành kinh tế biển và nêu được hướng phát triển kinh tế biển của Duyên hải Nam Trung Bộ.

- Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh phát triển các ngành kinh tế biển của Duyên hải Nam Trung Bộ.

###  2. Năng lực:

- Năng lực chung:

+ Giao tiếp và hợp tác: lựa chọn được nội dung, cách giao tiếp phù hợp khi trao đổi với bạn và GV.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: tìm kiếm các lập luận minh chứng thuyết phục; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề cho phù hợp.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua xác định và đánh giá được các vấn đề liên quan đến kinh tế - xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ.

- Năng lực đặc thù:

+ Nhận thức khoa học Địa lí: trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của Duyên hải Nam Trung Bộ; phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển các ngành kinh tế biển; trình bày được việc phát triển các ngành kinh tế biển và nêu được hướng phát triển kinh tế biển của Duyên hải Nam Trung Bộ.

+ Tìm hiểu địa lí: sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về các thế mạnh của Duyên hải Nam Trung Bộ.

###  3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Tôn trọng các giá trị nhân văn khác nhau ở các vùng.

# - Chăm chỉ: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

###  1. Giáo viên

- Máy tính, TV.

- Bản đồ tự nhiên, kinh tế Duyên hải Nam Trung Bộ.

- Biểu đồ, bảng số liệu về tình hình phát triển kinh tế biển của Duyên hải Nam Trung Bộ.

- Tranh ảnh về tự nhiên, dân cư, các ngành kinh tế biển của Duyên hải Nam Trung Bộ.

- Phiếu học tập.

- SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

 **2. Học sinh**

SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

 **A. Ổn định lớp**

 **B. Bài mới**

### 1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

**a) Mục tiêu:**

- Tạo kết nối giữa kiến thức, kinh nghiệm của HS (về Duyên hải Nam Trung Bộ) và chủ đề bài học.

- Tạo hứng thú, kích thích trí tò mò của HS.

**b) Nội dung:** GV tổ chức trò chơi “Hái táo”

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh (1. Sa Huỳnh; 2. Vân Phong; 3. Mỹ Khê; 4. Dung Quất; 5. Lý Sơn).

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện phương pháp trò chơi.

– Bước 1: GV tổ chức trò chơi “Hái táo”

Luật chơi: Có 5 quả táo chứa 5 câu hỏi, HS chọn quả táo bất kỳ. Bấm vào quả táo thì câu hỏi xuất hiện, nếu học sinh trả lời đúng thì quả táo được hái, HS sẽ được cộng thêm 1 sao. Nếu học sinh trả lời sai thì HS khác có quyền trả lời.

Bộ câu hỏi như sau:

1. Cánh đồng muối lớn nhất nước ta có tên là gì?

2. Cảng trung chuyển quốc tế lớn nhất dự kiến được xây dựng ở nước ta có tên là gì?

3. Đây là tên gọi của một trong 10 bãi biển đẹp nhất hành tinh ở Đà Nẵng?

4. Tên của nhà máy lọc dầu đầu tiên ở nước ta?

5. Hòn đảo nào nổi tiếng với đặc sản là tỏi?

– Bước 2: HS chọn quả táo để trả lời câu hỏi.

– Bước 3: GV gọi HS trả lời.

– Bước 4: GV chuẩn kiến thức, tổng kết trò chơi rồi dẫn dắt vào bài.

**2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**

**2.1: Tìm hiểu khái quát về Duyên hải Nam Trung Bộ**

**a) Mục tiêu:** Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của Duyên hải Nam Trung Bộ.

**b) Nội dung:** HS đọc mục I. sách giáo khoa kết hợp với bản đồ, hoàn thành phiếu học tập.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP** |
| **I. Khái quát****1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ**- Các tỉnh: - Diện tích: - Tiếp giáp: - Ý nghĩa:  **2. Dân số**- Số dân: - Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên: - Mật độ dân số: - Tỉ lệ dân thành thị: - Dân tộc:  |

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP** |
| **I. Khái quát** **1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ**- Các tỉnh: bao gổm 8 tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận.- Diện tích: hơn 44 nghìn km2. - Tiếp giáp: Bắc Trung Bộ (bộ phận lãnh thổ của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung), vùng Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ và nước láng giềng Lào. Phía đông giáp vùng biển rộng lớn với nhiều đảo và quần đảo.- Ý nghĩa: Duyên hải Nam Trung Bộ thuận lợi phát triển kinh tế theo hướng mở và đẩy mạnh hoạt động giao thương kinh tế với các quốc gia, các vùng kinh tế khác ở nước ta.**2. Dân số**- Dân số: gần 9,4 triệu người, chiếm 9,6% số dân cả nước.- Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên: 0,96%.- Mật độ dân số: 211 người/km2 (năm 2021). Phía đông dân cư tập trung đông hơn ở phía tây. - Tỉ lệ dân thành thị: hơn 40% tổng số dân (năm 2021).- Dân tôc: là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc như Kinh, Chăm, Cơ-tu, Hrê,...  |

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện phương pháp vấn đáp và trực quan.

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, quan sát bản đồ, hoàn thành phiếu học tập.

– Bước 2: HS làm việc cá nhân, hoàn thành phiếu học tập.

– Bước 3: Một số HS trình bày, các HS khác bổ sung.

– Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung.

**2.2: Tìm hiểu về các thế mạnh và hạn chế đối với việc phát triển các ngành kinh tế biển**

**a) Mục tiêu:**

- Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với việc phát triển các ngành kinh tế biển.

- Sử dụng được bản đồ để trình bày về thế mạnh và hạn chế của Duyên hải Nam Trung Bộ.

**b) Nội dung:** HS đọc mục II. sách giáo khoa, hoàn thành phiếu học tập.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP** |
| **II. Thế mạnh và hạn chế đối với phát triển các ngành kinh tế biển** **1. Thế mạnh*****a/ Điều kiện tự nhiên***- Khai thác hải sản: - Nuôi trồng thủy, hải sản: - GTVT biển: - Khoáng sản: - Du lịch biển: ***b/ Điều kiện kinh tế - xã hội***- Dân cư – lao động: - Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kĩ thuật: - Chính sách:  **2. Hạn chế**- Các thiên tai:- Vấn đề môi trường biển:- Hệ thống cơ sở hạ tầng: |

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP** |
| **II. Thế mạnh và hạn chế đối với phát triển các ngành kinh tế biển** **1. Thế mạnh*****a/ Điều kiện tự nhiên***- Khai thác hải sản: Đường bờ biển dài, điều kiện khí hậu thuận lợi đã tạo ra nguồn hải sản phong phú, tổng trữ lượng hải sản lớn, với nhiều hải sản có giá trị. Duyên hải nam Trung Bộ có các ngư trường lớn.- Nuôi trồng thủy, hải sản: Có nhiều diện tích mặt nước mặn, lợ và đầm phá, nguồn thức ăn phong phú, đa dạng tạo điều kiện thuận lợi để nuôi trổng thuỷ, hải sản nước lợ.- GTVT biển: Đường bờ biển dài, nhiều vịnh nước sâu, kín gió thích hợp xây dựng cảng biển nước sâu, phát triển giao thông vận tải biển.- Khoáng sản: Vùng biển và thềm lục địa có tiềm năng về dầu khí, dọc ven biển có tiềm năng để sản xuất muối và khai thác ti-tan, cát thuỷ tinh,... đáng chú ý là đồng muối Sa Huỳnh (Quảng Ngãi).- Du lịch biển: Dọc bờ biển có nhiều bãi tắm đẹp và các bán đảo có cảnh quan phong phú, thuận lợi để phát triển du lịch biển.***b/ Điều kiện kinh tế - xã hội***- Dân cư – lao động: có nhiều kinh nghiệm trong các hoạt động kinh tế biển, đặc biệt là trong khai thác, nuôi trồng thuỷ sản và nghề làm muối.- Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kĩ thuật: ngày càng đồng bộ và hoàn thiện.- Chính sách: có nhiều chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế biển. **2. Hạn chế**- Các thiên tai như bão, lũ, hạn hán,... làm ảnh hưởng đến phát triển các ngành kinh tế biển.- Vấn đề ô nhiễm môi trường biển, suy giảm tài nguyên biển là thách thức cho phát triển kinh tế biển.- Hệ thống cơ sở hạ tầng ở một số khu vực còn hạn chế. |

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện kĩ thuậtlàm việc nhóm.

– Bước 1: GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ:

 + HS hoàn thành phiếu học tập của mình.

 + Sau khi hoàn thành phiếu học tập, HS về nhóm của mình, thảo luận hoàn thiện phiếu học tập.

– Bước 2: Mỗi HS làm việc độc lập hoàn thành phiếu học tập; sau đó về nhóm thảo luận, chia sẻ thông tin với các thành viên trong nhóm, thống nhất kết quả thảo luận, hoàn thiện phiếu học tập.

– Bước 3: GV chỉ định đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận.

#### – Bước 4: GV nhận xét, góp ý, chuẩn kiến thức và tuyên dương những nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

#### 2.3: Tìm hiểu c**ác ngành kinh tế biển**

#### a) Mục tiêu: Trình bày được việc phát triển các ngành kinh tế biển của Duyên hải Nam Trung Bộ.

**b) Nội dung:** HS đọc mục III. sách giáo khoa, hoàn thành phiếu học tập.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP** |
| **II. Các ngành kinh tế biển** **1. Khai thác tài nguyên sinh vật biển**- Khai thác hải sản:+ Tình hình phát triển: + Phân bố: + Hướng phát triển: - Nuôi trồng hải sản:+ Tình hình phát triển: + Phân bố: + Hướng phát triển:  **2. Giao thông vận tải biển**- Tình hình phát triển: - Các cảng biển quan trọng:  **3. Du lịch biển**- Tình hình phát triển: - Các trung tâm du lịch biển lớn: - Hướng phát triển:  **4. Khai thác khoáng sản biển**- Khai thác dầu mỏ và khí tự nhiên: - Khai thác ti-tan, cát thuỷ tinh: - Phát triển nghề làm muối: - Phát triển năng lượng tái tạo:  |

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP** |
| **II. Các ngành kinh tế biển** **1. Khai thác tài nguyên sinh vật biển**- Khai thác hải sản:+ Tình hình phát triển: Sản lượng hải sản khai thác tăng nhanh, chiếm hơn 90% tổng sản lượng hải sản của vùng, chủ yếu là khai thác cá biển, đặc biệt khai thác cá ngừ đại dương. + Phân bố: Phát triển nhất là Bình Thuận, Bình Định, Quảng Ngãi, Ninh Thuận,...+ Hướng phát triển: Đẩy mạnh khai thác xa bờ, đầu tư tàu khai thác công suất lớn, trang thiết bị hiện đại để tàu đi được dài ngày và đảm bảo chất lượng hải sản đánh bắt.- Nuôi trồng hải sản:+ Tình hình phát triển: Diện tích và sản lượng hải sản nuôi trồng chiếm tỉ trọng không nhiều, nhưng tập trung vào những loại hải sản có giá trị kinh tế cao.+ Phân bố: Nhiều nhất là Khánh Hoà, Phú Yên.+ Hướng phát triển: Đẩy mạnh theo hướng áp dụng công nghệ cao, nuôi trồng bền vững góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường. **2. Giao thông vận tải biển**- Tình hình phát triển: Vùng đã hình thành nhiều cảng biển loại I, II, III và bến cảng nước sâu. - Các cảng biển quan trọng: + Các cảng biển loại I là Đà Nẵng, Bình Định, Khánh Hoà; các bến cảng nước sâu gồm Dung Quất (Quảng Ngãi), Kỳ Hà (Quảng Nam), Nhơn Hội (Bình Định), Vân Phong (Khánh Hoà),...+ Cảng Đà Nẵng trong tương lai sẽ trở thành cảng cửa ngõ quốc tế, đầu mối giao thông quan trọng của Hành lang kinh tế Đông - Tây. Cảng Vân Phong được quy hoạch thành cảng trung chuyển quốc tế lớn trong khu vực. **3. Du lịch biển**- Tình hình phát triển: + Đây là thế mạnh nổi trội của vùng. + Các loại hình du lịch biển được chú trọng phát triển là du lịch nghỉ dưỡng biển, khám phá tự nhiên, lễ hội biển,... + Các cơ sở lưu trú, cơ sở vui chơi giải trí ngày càng hiện đại. - Các trung tâm du lịch biển lớn: Đà Nẵng, Nha Trang (Khánh Hoà), Quy Nhơn (Bình Định),...- Hướng phát triển: xây dựng các khu du lịch, khu nghỉ dưỡng đạt tiêu chuẩn quốc tế, hướng tới phát triển du lịch bền vững. **4. Khai thác khoáng sản biển**- Khai thác dầu mỏ và khí tự nhiên: được tiến hành ở khu vực quần đảo Phú Quý. Ở đây đã xây dựng nhà máy lọc dầu đầu tiên ở nước ta là nhà máy lọc dầu Dung Quất (Quảng Ngãi).- Khai thác ti-tan, cát thuỷ tinh: được phát triển ở một số khu vực ven biển các tỉnh Bình Định, Khánh Hoà,... cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu.- Phát triển nghề làm muối: Đây là khu vực có những cánh đồng muối lớn nhất nước ta như: Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), Cà Ná (Ninh Thuận).- Phát triển năng lượng tái tạo: đặc biệt là điện gió và điện gió ngoài khơi. Hiện nay có nhà máy điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam (Ninh Thuận), nhà máy điện gió Phong Điện 1 (Bình Thuận),... |

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện kĩ thuậtlàm việc nhóm.

– Bước 1: GV chia lớp thành 8 nhóm và giao nhiệm vụ:

 + HS hoàn thành phiếu học tập của mình.

 + Sau khi hoàn thành phiếu học tập, HS về nhóm của mình, thảo luận hoàn thiện phiếu học tập.

– Bước 2: Mỗi HS làm việc độc lập hoàn thành phiếu học tập; sau đó về nhóm thảo luận, chia sẻ thông tin với các thành viên trong nhóm, thống nhất kết quả thảo luận, hoàn thiện phiếu học tập.

– Bước 3: GV chỉ định đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận.

#### – Bước 4: GV nhận xét, góp ý, chuẩn kiến thức và tuyên dương những nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ

#### 2.4: Tìm hiểu hướng phát triển kinh tế biển

**a) Mục tiêu:** Nêu được hướng phát triển kinh tế biển của Duyên hải Nam Trung Bộ.

**b) Nội dung:** GV đặt câu hỏi: *Dựa vào nội dung mục IV, hãy trình bày hướng phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ.*

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

|  |
| --- |
| **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **IV. Hướng phát triển kinh tế biển**- Tập trung phát triển mạnh kinh tế biển kết hợp với bảo đảm quốc phòng an ninh trên biển.- Mở rộng và xây dựng trung tâm lọc, hoá dầu và năng lượng quốc gia tại khu kinh tế Dung Quất; hình thành một số trung tâm năng lượng tái tạo lớn.- Phân bố không gian công nghiệp theo các hành lang kinh tế ven biển gắn với các cảng biển, các tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, các đường quốc lộ kết nối với Tây Nguyên.- Nghiên cứu cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả các khu kinh tế ven biển.- Phát triển các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá kết hợp với quốc phòng an ninh. Phát triển Duyên hải Nam Trung Bộ trở thành khu vực trọng điểm du lịch của cả nước với các trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái mang tầm khu vực và quốc tế. Đẩy mạnh phát triển các trung tâm logistics gắn với các cảng biển,...- Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên; chủ động phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. |

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện phương pháp vấn đáp.

– Bước 1: GV đặt câu hỏi: *Dựa vào nội dung mục IV, hãy trình bày hướng phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ.*

– Bước 2: HS làm việc cá nhân, hoàn thành câu trả lời.

– Bước 3: Một số HS trình bày, các HS khác bổ sung.

– Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung.

**3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức đã học về lãnh thổ Duyên hải Nam Trung Bộ.

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi:

**1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Mỗi câu HS chọn 1 phương án đúng.

**Câu 1.** Vấn đề có ý nghĩa quan trọng nhất trong việc nâng cao hiệu quả kinh tế của ngành thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** đầu tư phương tiện và tập trung đánh bắt. **B.** đào tạo lao động và đẩy mạnh xuất khẩu.

**C.** khai thác hợp lí và bảo vệ các nguồn lợi. **D.** khai thác, nuôi trồng kết hợp chế biến.

**Câu 2.** Hướng phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ **không** phải là

**A.** nâng cao hiệu quả hoạt động các khu kinh tế ven biển.

**B.** tăng cường đánh bắt ở ven bờ, phòng chống thiên tai.

**C.** đảm bảo cân bằng, hài hoà giữa phát triển và bảo tồn.

**D.** kết hợp chặt chẽ kinh tế - xã hội với bảo vệ biển đảo.

**2. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, HS chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng ở Duyên hải Nam Trung Bộ, giai đoạn 2010 - 2023**

*(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2021** | **2023** |
| Khai thác | 707,1 | 1167,9 | 1219,5 |
| Nuôi trồng | 80,8 | 101,3 | 109,6 |

**a)** Sản lượng thủy sản nuôi trồng giảm.

**b)** Sản lượng thủy sản khai thác tăng và cao hơn sản lượng hải sản nuôi trồng.

**c)** Sự thay đổi sản lượng thủy sản nuôi trồng là do có nhiều ngư trường trọng điểm lớn, nguồn lợi hải sản phong phú.

**d)** Sự thay đổi sản lượng thủy sản khai thác chủ yếu là do đẩy mạnh khai thác xa bờ, đầu tư tàu công suất lớn với trang thiết bị hiện đại.

**3. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.**

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng hải sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ, giai đoạn 2010 - 2023**

*(Đơn vị: Nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2023** |
| Sản lượng hải sản khai thác | 707,1 | 913,6 | 1144,8 | 1219,5 |

Cho biết sản lượng hải sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ năm 2023 tăng thêm bao nhiêu % so với năm 2010? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)*

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn**

**Đáp án: 1D, 2B**

**2. Câu trắc nghiệm đúng sai**

**Câu 1. Đáp án: b,d đúng; a,c : sai.**

**3. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.**

**Câu 1. Đáp án: (1219,5 - 707,1) : 707,1 x 100 ≈ 72,5%**

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện phương pháp vấn đáp.

– Bước 1: GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi.

– Bước 2: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

– Bước 3: GV mời một số HS trình bày, HS khác bổ sung.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá.

**4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS biết tìm kiếm thông tin, sưu tầm thông tin về một số ngành kinh tế biển của một tỉnh ở Duyên hải Nam Trung Bộ.

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS: Sưu tầm thông tin về một số ngành kinh tế biển của một tỉnh ở Duyên hải Nam Trung Bộ.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

|  |
| --- |
| **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Nghề sản xuất muối ở Ninh Thuận**Tỉnh Ninh Thuận có 2.400 ha muối công nghiệp và 630 ha muối sản xuất trên nền đất của ruộng. Hằng năm, Ninh Thuận cung cấp cho thị trường với sản lượng chiếm 50% tổng lượng muối cả nước. Hiện nay, giá muối từ 2-2,7 triệu đồng/tấn, cao gấp đôi so với những năm trước. Gần đây, để nâng cao chất lượng hạt muối và có lợi nhuận cao hơn so với cách làm muối truyền thống trên nền đất của ruộng, nhiều người làm muối đã chủ động chuyển dần diện tích sản xuất muối trên nền đất ruộng sang hình thức đầu tư kinh phí để mua và trải bạt ni-lông lên trên nền đất ruộng để sản xuất. Nhờ đó, chất lượng hạt muối cao hơn (hạt muối kết tinh giảm tạp chất nhiều hơn so với hạt muối kết tinh trên nền đất ruộng), nên vừa đạt năng suất cao và giá bán cũng cao hơn. Với lịch sử hơn 100 năm làm muối (từ thời Pháp thuộc), đến nay; với vị trí địa lý đặc thù khô hạn, lượng mưa thấp, nắng và gió nhiều, nền nhiệt độ ở mức 26-27 độ C, độ ẩm không khí từ 75-77% và có vùng biển rộng lớn, Ninh Thuận là một trong những tỉnh có tiềm năng, lợi thế để sản xuất muối và luôn được đánh giá chất lượng tốt nhất cả nước nhờ hương vị đậm đà, thanh thanh đặc trưng của vùng nắng gió. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**–** Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà làm việc.

**–** Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**–** Bước 3: HS nộp bài lên nhóm lớp.

**–** Bước 4: GV nhận xét bài làm của HS.

**C. Hướng dẫn về nhà**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới: Ôn tập giữa kì 2.